

Số: 470/STTTT-CNTT

Bắc Giang, ngày 07 tháng 10 năm 2015

Về việc xin ý kiến góp ý “Dự thảo
Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin
của các cơ quan nhà nước trên địa bàn
tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020”

Kính gửi: - Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Công văn số 2633/BTTTT-THH của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 17/8/2015 về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020, Sở Thông tin và Truyền thông đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo “Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020”.

Để hoàn chỉnh dự thảo “Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020” trình Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị Quý cơ quan cho ý kiến góp ý dự thảo Kế hoạch (*dự thảo Kế hoạch được gửi kèm theo Công văn này*).

Ý kiến góp ý xin gửi về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 7/10/2015 qua địa chỉ thư điện tử: so_tttt_vt@bacgiang.gov.vn.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Lưu VT.

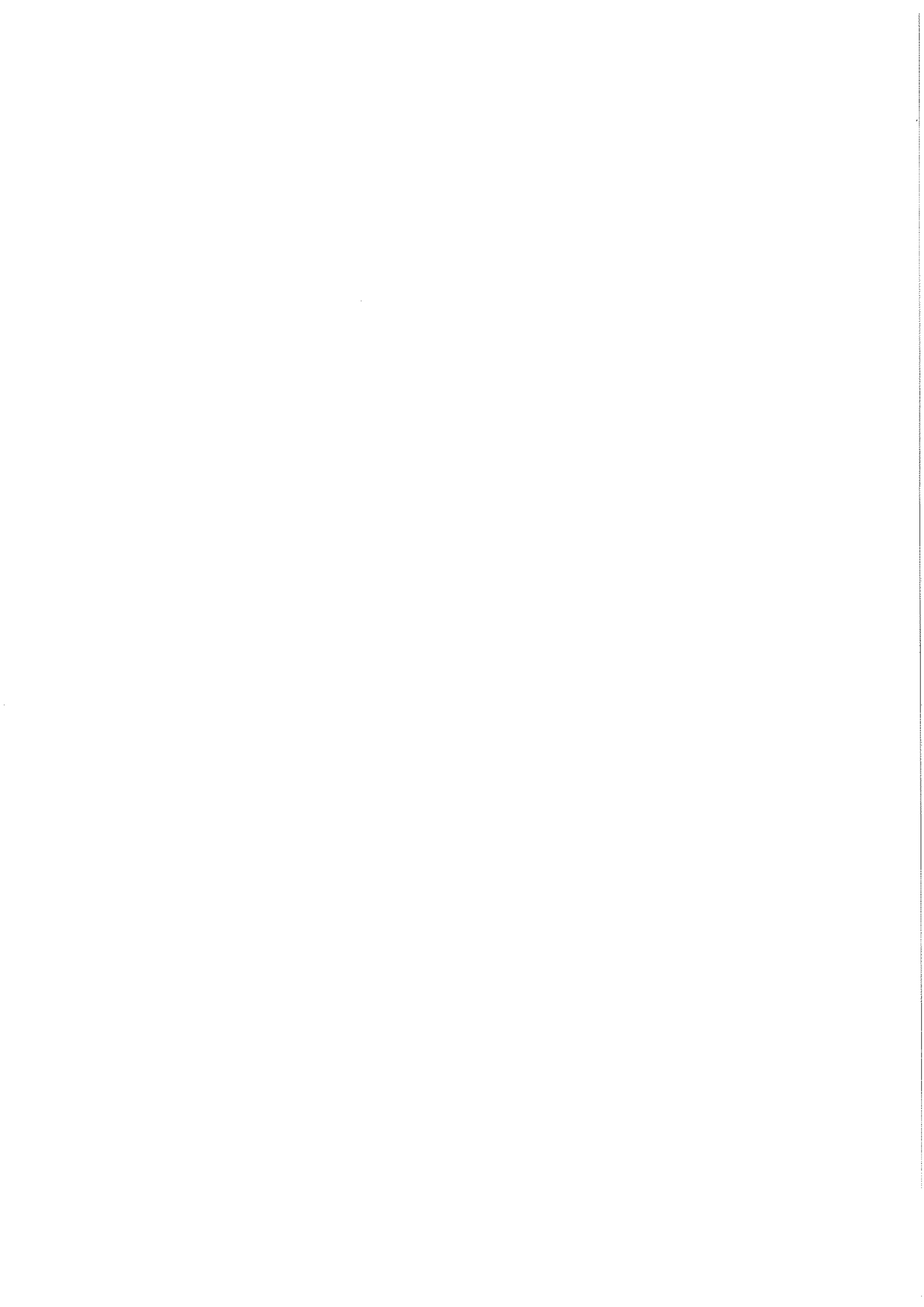
Bản điện tử:

- Như Kính gửi;
- Đ/c Huệ - TP VX2 - VP UBND tỉnh;
- GD Sở, các PGĐ Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Lưu CNTT, Bình.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Diệu



Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2015

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng Công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020.**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 36 – NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36 – NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/2/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/2/2007 quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;



Căn cứ Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 01/4/2015 của Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 2633/BTTTT-THH của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 17/8/2015 về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020 và hiện trạng, nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh Bắc Giang;

UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020 như sau:

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TỈNH BẮC GIANG

1. Môi trường pháp lý

Để tổ chức triển khai ứng dụng và phát triển CNTT trong những năm qua, UBND tỉnh đã ban hành 32 văn bản chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng CNTT, gồm: 18 Quyết định; 7 Kế hoạch; 5 Chỉ thị. Một số văn bản cụ thể như sau:

- Kế hoạch số 2668/KH-UBND ngày 26/11/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015;

- Quyết định số 442/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định về phân cấp, ủy quyền thực hiện quản lý đầu tư ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 518/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định về việc gửi, nhận văn bản điện tử và sử dụng thư điện tử trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 90/2012/QĐ-UBND ngày 10/4/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định về quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng tin học diện rộng của UBND tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 176/2012/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 27/7/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang



về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin tỉnh Bắc Giang đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 133/2015/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 của UBND tỉnh về việc quy định về gửi, nhận, sử dụng văn bản điện tử và hồ sơ điện tử trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của các Cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang;

- Kế hoạch số 3748/KH-UBND ngày 30/12/2014 về triển khai ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2015;

- Kế hoạch triển khai Thỏa thuận hợp tác chiến lược về Viễn thông và Công nghệ thông tin giữa UBND tỉnh Bắc Giang và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giai đoạn 2015-2020;

- Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 01/4/2015 của Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Đồng thời, hàng năm Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể để hướng dẫn, chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp tổ chức triển khai ứng dụng CNTT.

2. Hạ tầng kỹ thuật

a) Hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông

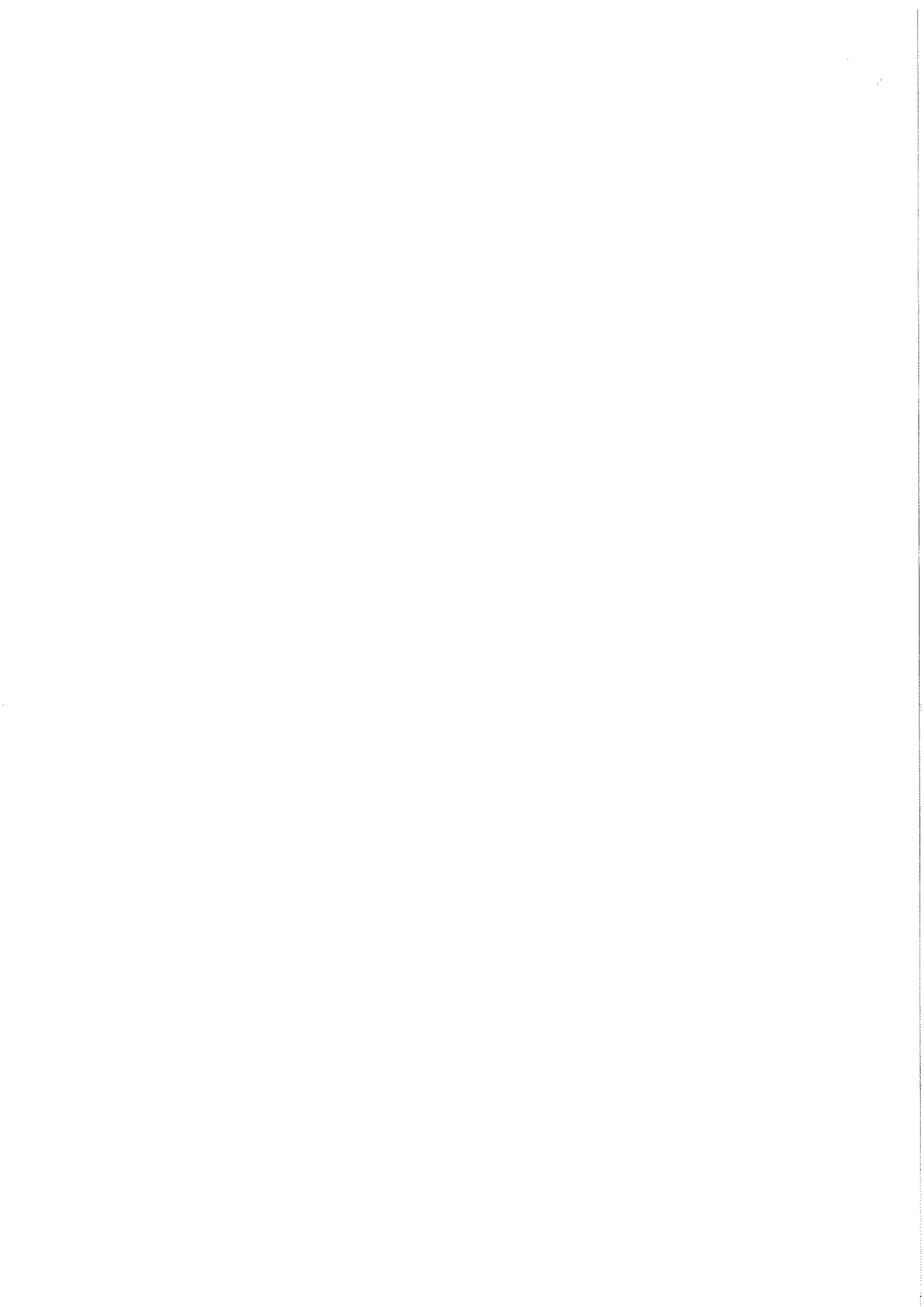
Hiện nay, 100% sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các cơ quan đảng cấp tỉnh, cấp huyện; Đảng ủy và UBND cấp xã có mạng nội bộ LAN kết nối Internet. Tỷ lệ máy tính trong các cơ quan nhà nước từ cấp huyện trở lên đạt 0,92 máy/cán bộ công chức; cấp xã bình quân có 9 máy tính/xã.

Hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đến nay cơ bản đáp ứng được cho việc triển khai các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và cung cấp các dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

b) Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh

Hiện nay, tỉnh có 03 Trung tâm tích hợp dữ liệu gồm: Trung tâm tích hợp dữ liệu Bộ Thông tin và Truyền thông đầu tư tại Sở Thông tin và Truyền thông; Trung tâm tích hợp dữ liệu (Đề án 112) đầu tư tại Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm tích hợp dữ liệu tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Các Trung tâm tích hợp dữ liệu có quy mô nhỏ, mới đáp ứng cho các yêu cầu ứng dụng CNTT trước mắt. Tuy nhiên, việc xây dựng Chính quyền điện tử với mô hình liên thông, tích hợp dùng chung sắp được triển khai thì Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh cần được nâng cấp thành Data Center theo tiêu chuẩn quốc tế, có hệ thống dự phòng để phòng chống các thảm họa riêng.



3. Ứng dụng CNTT trong các Cơ quan nhà nước

a) Xây dựng Trang thông tin điện tử

Hiện nay, 100% cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và 15 hội, đoàn thể tỉnh đã có trang thông tin điện tử; trong đó chỉ có 05 trang của cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công mức độ 3.

Các trang thông tin điện tử hoạt động đã đi vào nề nếp, cung cấp tin tức, văn bản quản lý, điều hành... cơ bản tốt. Tuy nhiên, hoạt động của các trang thông tin điện tử còn tồn tại như: công tác bảo mật, quản lý dịch vụ hành chính, cung cấp dịch vụ công mức độ 3, hỏi - đáp chế độ chính sách... còn chưa tốt.

b) Xây dựng một cửa điện tử

Đến nay, có 10/10 huyện, thành phố và 16/20 Sở, ngành đã triển khai Một cửa điện tử. Hệ thống một cửa điện tử tại các cấp, các ngành đã thu được nhiều kết quả tích cực, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận tăng, nhiều huyện đã thực hiện liên thông đến cấp xã (119/230 xã).

Tuy nhiên, do sử dụng phần mềm khác nhau giữa khối huyện và khối sở, ngành nên việc liên thông, tích hợp để giải quyết các thủ tục hành chính công liên quan đến nhiều cấp đang trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành công việc

Công tác triển khai, sử dụng phần mềm QLVB&ĐH trong các cơ quan nhà nước đạt kết quả khá: 100% các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố; nhiều cơ quan thuộc Sở đã sử dụng phần mềm. Có 06 huyện đã triển khai phần mềm liên thông đến cấp xã như: huyện Lạng Giang, Việt Yên, Sơn Động, Hiệp Hòa, Yên Dũng, thành phố Bắc Giang. Tuy nhiên, nhiều cơ quan mới sử dụng phần mềm tại bộ phận văn thư hoặc chỉ phân văn bản.

d) Công tác gửi nhận văn bản điện tử

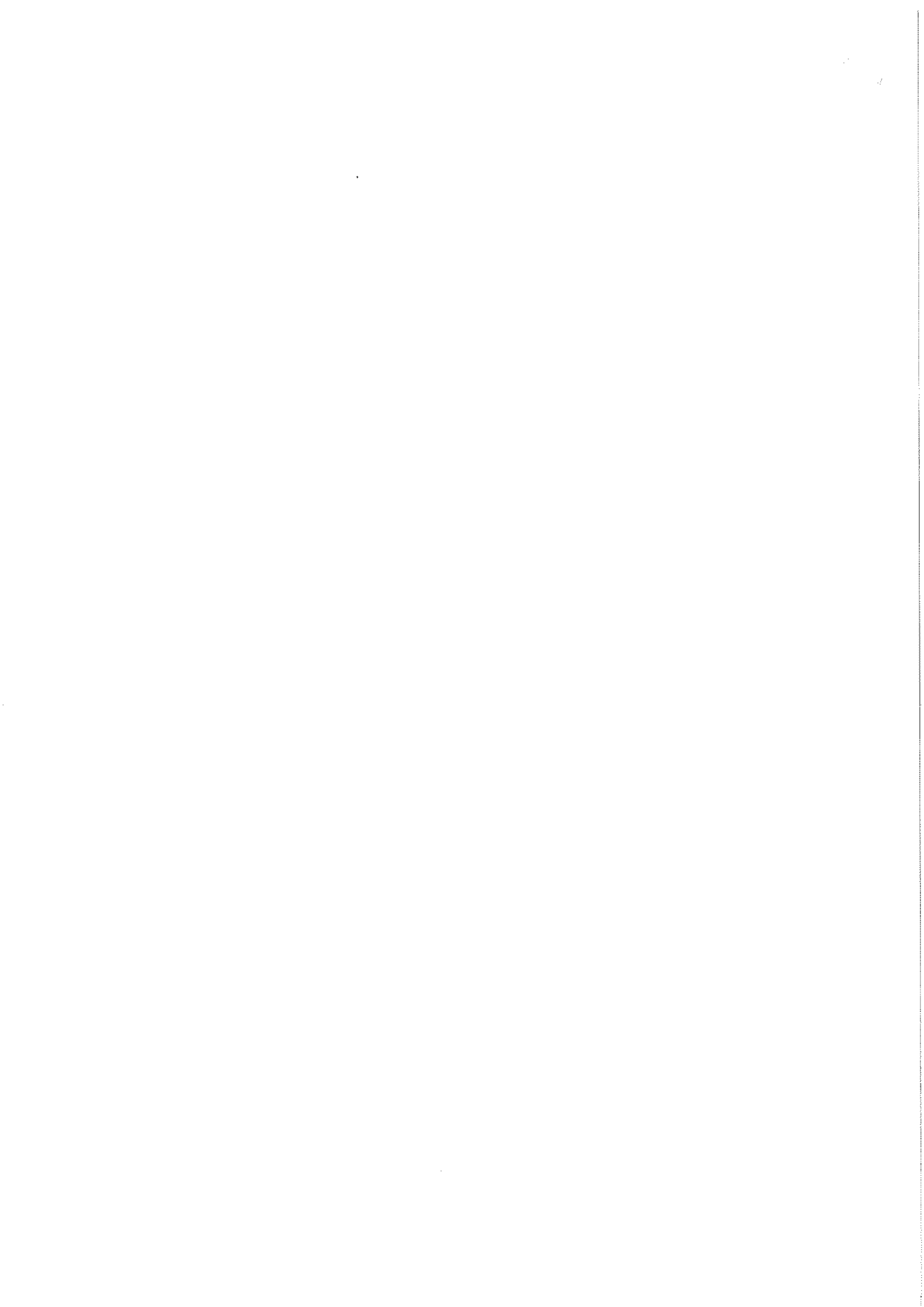
Công tác gửi nhận văn bản điện tử từ tỉnh đến xã được triển khai nề nếp từ năm 2009 và thu được kết quả tích cực. Năm 2014, trong toàn tỉnh, văn bản điện tử đến đạt: 76,6% (tăng 2,6% so với năm 2013); văn bản điện tử gửi đi ước đạt: 74,1% (tăng 3,1% so với năm 2013).

4. Ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh

Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang đã cơ bản đáp ứng được vai trò cung cấp thông tin. Cập nhật thường xuyên các chủ trương, chính sách của tỉnh; các văn bản pháp luật, thủ tục hành chính; các ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh được đăng tải kịp thời, góp phần hỗ trợ hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh, của lãnh đạo các cấp.

Tuy nhiên, Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Giang chưa đảm bảo được tiêu chí của Cổng để đảm nhiệm 02 chức năng: là cổng giao dịch điện tử cung cấp các dịch



vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp (Citizens Sub Portal) đồng thời cũng là cổng tích hợp các ứng dụng nghiệp vụ, là điểm truy cập duy nhất để CBCC tỉnh tham gia vào hệ thống Chính quyền điện tử của tỉnh (Officers Sub Portal).

b) Cung cấp các dịch vụ công

Đến nay, các Trang thông tin điện tử đã cung cấp được 2.822 dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2; 08 đơn vị cung cấp 122 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là: Sở TT&TT (14), TP Bắc Giang (23), Hiệp Hòa (38), Lạng Giang (21), Sơn Động (15), Yên Dũng (4), Sở Tư pháp (5), Sở Khoa học và Công nghệ (2), tăng 04 đơn vị so với cùng kỳ; 02 đơn vị mới cung cấp 30 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là: Sở Kế hoạch và Đầu tư (28), Sở Khoa học và Công nghệ (2).

5. Hiện trạng về nguồn nhân lực CNTT

Đến nay, về cơ bản cán bộ công chức từ cấp huyện trở lên đều có trình độ CNTT đáp ứng nhu cầu làm việc bình thường. Các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố đã có cán bộ chuyên trách CNTT. Toàn tỉnh có 54 cán bộ chuyên trách về CNTT. Tuy nhiên, trình độ của cán bộ chuyên trách CNTT vẫn chưa đảm bảo được theo yêu cầu để triển khai, vận hành, quản trị các hệ thống thông tin, đa số các cán bộ đều chưa được trang bị, cập nhật những kiến thức thực tế; khoảng 50% số cán bộ, công chức cấp xã chưa đủ kiến thức, kỹ năng sử dụng các hệ thống thông tin.

Để vận hành các hệ thống thông tin tích hợp dùng chung trong thời gian tới, cần thiết phải đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho các cán bộ chuyên trách, quản trị mạng, nhất là cần đào tạo nâng cao số cán bộ CNTT của Sở TT&TT để đảm bảo cho vận hành trung tâm dữ liệu của tỉnh. Đào tạo lại cho tối thiểu 50% số cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện để có đủ kiến thức, kỹ năng sử dụng các hệ thống thông tin.

6. Những kết quả và tồn tại

a) Kết quả đạt được

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh luôn quan tâm, coi trọng phát triển ứng dụng CNTT, đặc biệt là ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước. UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của Bộ Chính trị; các nghị quyết, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, tạo hành lang pháp lý cho việc thúc đẩy ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, tỉnh Bắc Giang về cơ bản đã hoàn thành việc xây dựng cơ quan điện tử ở cấp sở, ngành và cấp huyện. Hệ thống các phần mềm một cửa điện tử, quản lý văn bản và điều hành công việc, hệ thống thư điện tử, trang thông tin điện tử được triển khai tới tất cả các cơ quan nhà nước, góp phần thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các cấp, các ngành trong toàn xã hội, bước đầu phục vụ người dân và doanh nghiệp được tốt hơn.

Hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh được đầu tư mạnh, tất cả các xã đều có

khả năng kết nối internet, tạo điều kiện thuận lợi cho ứng dụng CNTT. Trung tâm THDL tại Sở Thông tin và Truyền thông đã cơ bản ổn định để phục vụ cho các cấp, các ngành khai thác, sử dụng.

b) Tồn tại, khó khăn

Nhiều sở, ngành, địa phương chưa thực sự tích cực triển khai ứng dụng CNTT. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến còn nhiều hạn chế, yếu kém. CNTT được ứng dụng nhiều trong các cơ quan nhà nước nhưng mang tính rời rạc, không liên kết thành một hệ thống, văn bản điện tử không được truyền đưa thông suốt giữa các cơ quan nhà nước, dữ liệu không được chia sẻ và khai thác chung. Chưa hình thành được cổng thông tin điện tử thống nhất và duy nhất để cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Không ít các chương trình phần mềm được xây dựng từ nhiều năm trước, không được nâng cấp, khó sử dụng.

Ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn nên chi phí cho hoạt động CNTT của các cơ quan nhà nước vẫn ở mức thấp. Do vậy đầu tư mang tính nhỏ lẻ, chưa đồng bộ, chưa hình thành những hệ thống CNTT của toàn tỉnh.

Nguồn nhân lực CNTT trong các cơ quan, đơn vị còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng; đặc biệt là thiếu cán bộ lãnh đạo CNTT và cán bộ quản lý CNTT có chuyên môn cao. Nhân lực CNTT làm việc trong các cơ quan nhà nước vẫn chưa được hưởng các chế độ đãi ngộ ưu đãi.

III. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển tỉnh Bắc Giang điện tử với Chính quyền điện tử, công dân điện tử, giáo dục điện tử, y tế điện tử, doanh nghiệp điện tử, giao dịch và thương mại điện tử. Ứng dụng rộng rãi và sử dụng có hiệu quả CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, trong các ngành, lĩnh vực đặc biệt là lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp và người dân như giáo dục, y tế, giao thông, nông nghiệp. Khai thác hiệu quả thông tin trong các ngành. Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên diện rộng nhằm xây dựng nền hành chính vững mạnh, hiện đại, minh bạch, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước

100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong gửi, nhận văn bản điện tử, hồ sơ điện tử.

100% văn bản, tài liệu chính thức (trừ văn bản, tài liệu mật) trao đổi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được gửi, nhận dưới dạng điện tử trên môi trường mạng và được xác thực điện tử; 100% các văn bản, tài liệu chính thức (trừ văn bản, tài liệu mật) được quét, lưu dưới dạng điện tử và cập nhật vào Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp của các cơ quan.

100% các cuộc họp được trực tuyến giữa cấp tỉnh với UBND cấp huyện và



cấp xã.

100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước xử lý công việc trên mạng máy tính thông qua Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

Triển khai một cửa điện tử liên thông 3 cấp từ tỉnh đến 100% các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

90% tỷ lệ hồ sơ lưu trữ được số hóa.

100% các dịch vụ hành chính công được cung cấp ở mức độ 3 trở lên trên Cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

40% người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

30% hồ sơ thủ tục hành chính nộp qua mạng.

95% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng.

90% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng.

Tối thiểu 50% số lượng các gói thầu chào hàng cạnh tranh, 40% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trên phạm vi toàn quốc thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

50% các doanh nghiệp vừa và nhỏ thiết lập được website riêng phục vụ quảng bá sản phẩm, thương hiệu và giao dịch trao đổi thông tin đơn giản; 70% các doanh nghiệp sử dụng các phần mềm quản lý tổng thể nguồn lực doanh nghiệp phục vụ quản lý và sản xuất kinh doanh.

100% các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đều kết nối Internet; trang bị các phần mềm hỗ trợ quản lý và nghiệp vụ y khoa tiên tiến; hoàn chỉnh hệ thống quản lý tổng thể bệnh viện trong toàn tỉnh. Hình thành và phát triển mạng thông tin y tế phục vụ nhu cầu tra cứu, cập nhật thông tin, trao đổi và nghiên cứu của người dân cũng như cán bộ ngành y tế.

c) Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật

Xây dựng hoàn chỉnh Trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung hiện đại, đồng bộ, liên thông giữa các cấp, các ngành và các địa phương nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT, giúp UBND tỉnh quản lý được mọi mặt hoạt động của các cấp, các ngành và các địa phương trong toàn tỉnh.

100% các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến xã kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng.

70% thiết bị tin học được bổ sung, thay thế, số còn lại được nâng cấp đáp ứng yêu cầu khai thác các phần mềm ứng dụng.



IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Xây dựng hạ tầng CNTT

a) Xây dựng, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng

Phát triển và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (quang hóa 100%), tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng sẵn có của các doanh nghiệp viễn thông để đảm bảo cho 100% các đơn vị khai thác các ứng dụng và các dịch vụ dùng chung được cài đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

b) Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu đáp ứng nhu cầu cao, an toàn

Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh với tiêu chuẩn và định hướng của cả nước, hiện đại, dung lượng lớn, đảm bảo là nơi tập trung, tích hợp an toàn các kho dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các hệ thống thông tin của toàn tỉnh nhằm xây dựng hoàn chỉnh hệ thống CNTT tại các cơ quan nhà nước.

Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an ninh, bảo mật chính quy nhằm đảm bảo khả năng phòng chống tấn công, xâm nhập và phá hỏng dữ liệu.

c) Đầu tư thiết bị, nâng cấp mạng LAN cho các đơn vị

Đầu tư mua sắm trang thiết bị (mạng, máy tính, máy in) trong các cấp, các ngành như sau:

- Trang bị máy tính: 100% cán bộ công chức cấp tỉnh, huyện, xã được trang bị máy tính có cấu hình đáp ứng được yêu cầu ứng dụng CNTT trong đơn vị.

- Nâng cấp mạng LAN cho các cơ quan cấp sở, huyện, xã đảm bảo kết nối qua mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng và nhà nước tới Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

d) Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình

Phát triển, hoàn thiện hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến theo hướng thuê dịch vụ, triển khai vận hành trên đường truyền tốc độ cao, đảm bảo truyền số liệu, âm thanh, hình ảnh chất lượng tốt đạt chuẩn HD, full HD, khả năng đối thoại hai chiều thông suốt tại các điểm cầu của các cơ quan khối Đảng, Văn phòng UBND tỉnh; 100% các sở, ban, ngành, 10 đơn vị UBND cấp huyện; 65 đơn vị UBND cấp xã (khoảng 30%) và liên thông với hệ thống hội nghị trực tuyến của Chính phủ phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành.

e) Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp bảo vệ an toàn hạ tầng CNTT

Sử dụng các hệ thống bảo mật có độ tin cậy cao cho các hệ thống hạ tầng CNTT quan trọng như các hệ thống công thông tin điện tử của tỉnh, trung tâm tích hợp dữ liệu, các hệ thống kết nối với trung ương.

Phát triển Trung tâm CNTT của tỉnh nhằm nâng cao năng lực ứng cứu sự cố về an toàn mạng và hạ tầng thông tin trong cơ quan nhà nước. Đồng thời, hình thành mạng lưới điều phối ứng cứu sự cố về an toàn mạng và hạ tầng thông tin của tỉnh với sự tham gia của các thành phần kinh tế.



2. Ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước

a) Giai đoạn 2016 - 2017

Xây dựng kiến trúc phần mềm nền tảng để phát triển các phần mềm ứng dụng và dịch vụ công theo chuẩn nhất quán, kết nối và liên thông văn bản điện tử, dữ liệu từ cấp tỉnh tới cấp huyện, cấp xã; tích hợp thuận tiện các ứng dụng có sẵn và sẵn sàng liên thông kết nối với các ứng dụng do các Bộ, ngành dọc triển khai. Tạo lập môi trường điện tử để người dân giám sát và đóng góp cho hoạt động của chính quyền các cấp.

Tích hợp các phần mềm quản lý văn bản và điều hành liên thông của tỉnh, chia sẻ với hệ thống Quản lý văn bản tích hợp trong toàn quốc. Đồng thời tích hợp các cơ sở dữ liệu tương ứng, phục vụ việc quản lý, điều hành tác nghiệp trong nội bộ và liên thông giữa các cơ quan, đơn vị, tích hợp chữ ký số bảo đảm an toàn, an ninh, tính pháp lý của văn bản trao đổi trên môi trường mạng. Hoàn thiện và sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành cho 100% các đơn vị nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã (gồm 24 đơn vị cấp sở, ban, ngành, 10 đơn vị UBND cấp huyện và 230 đơn vị UBND cấp xã).

Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông của các sở, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã (100% các đơn vị); tích hợp vào cổng thông tin điện tử của tỉnh, tạo điều kiện và từng bước hình thành đầu mối trung tâm cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

Nâng cấp và phát triển hệ thống thư điện tử của tỉnh; đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức nhà nước các cấp thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử với tên miền của tỉnh; 100% các cơ quan nhà nước các cấp ứng dụng chữ ký số vào thư điện tử.

Xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong các hoạt động nghiệp vụ phù hợp với đặc thù của từng cơ quan nhằm đáp ứng nhu cầu công tác tại mỗi cơ quan, đơn vị.

b) Giai đoạn 2018 – 2020

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT tại tất cả các cơ quan cấp xã. Hoàn thiện và thống nhất áp dụng các hệ thống thông tin chuyên ngành, chương trình ứng dụng dùng chung trong toàn tỉnh; hoàn thành xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo cơ chế chia sẻ, liên thông, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia về công dân, đất đai, xây dựng, doanh nghiệp.

Xây dựng các phần mềm ứng dụng chuyên ngành của các sở, ngành và phần mềm quản lý phục vụ công việc của khối UBND các cấp, phát triển theo hướng liên thông, tích hợp tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, chia sẻ với các hệ thống cơ sở dữ liệu theo ngành dọc và cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan.

Xây dựng giải pháp và cơ chế tích hợp, chia sẻ sử dụng giữa các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu thành phần (được tích hợp tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh), đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sử dụng, ứng dụng của các cơ



quan nhà nước trong tỉnh và các dịch vụ, ứng dụng khác phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Ứng dụng và phát triển mạnh mẽ phần mềm mã nguồn mở trong các cơ quan nhà nước thay cho việc sử dụng các hệ điều hành và các ứng dụng nguồn đóng, giúp triển khai, sử dụng linh hoạt, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu vi phạm bản quyền, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, góp phần nâng cao tính chủ động và làm chủ công nghệ, đáp ứng các yêu cầu xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh.

3. Ứng dụng CNTT trong phục vụ người dân, doanh nghiệp

a) Giai đoạn 2016-2017

Phát triển, hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các cổng thành viên, hướng đến xây dựng Cổng thông tin điện tử thành một hệ thống mạnh mẽ, ổn định với nguồn thông tin dữ liệu phong phú, đa dạng và được cập nhật liên tục theo thời gian thực.

Nâng cấp và phát triển các Cổng thông tin điện tử thành phần của 24 sở, ngành, 10 đơn vị UBND cấp huyện, thành phố, tích hợp lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Đảm bảo các yêu cầu, các chức năng theo quy định chung của Chính phủ (Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011) và Bộ Thông tin và Truyền thông (Thông tư 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/07/2009, Thông tư 24/2011/TT-BTTTT ngày 20/09/2011) và các văn bản quy định khác có liên quan.

Cung cấp 50% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (có thể điền và gửi trực tuyến các mẫu đơn, hồ sơ) và 10% dịch vụ công mức độ 4 (có thể trả kết quả và thanh toán trực tuyến) cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về kết nối, tích hợp dữ liệu và truy cập thông tin; đảm bảo yêu cầu về an toàn, bảo mật, sao lưu, phục hồi dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và quản lý trong các cơ quan nhà nước, hướng tới nền hành chính vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, ưu tiên triển khai các dịch vụ công mức độ 3 và 4 thuộc các lĩnh vực: Xây dựng, đất đai, du lịch, giáo dục, y tế, môi trường, đầu tư, dân cư, nông – lâm nghiệp, thủy sản, xuất nhập cảnh, bảo hiểm xã hội, giao thông, lao động thương binh và xã hội, tư pháp, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông.

b) Giai đoạn 2018-2020

Thiết lập Cổng dịch vụ công tỉnh Bắc Giang tại một địa chỉ duy nhất trên mạng (Một cửa điện tử tỉnh Bắc Giang) trên cơ sở hình thành từ các hệ thống thông tin về: dân cư, đất đai - xây dựng và doanh nghiệp để cấp phép, thực hiện các thủ tục liên quan đến người dân, doanh nghiệp, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau. Đảm bảo cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (có thể điền và gửi trực tuyến các mẫu đơn, hồ sơ) và 20% dịch vụ công mức độ 4 (có thể trả kết quả và thanh toán trực tuyến) cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.



4. Phát triển nhân lực CNTT

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT để đổi mới phương thức quản lý, nội dung và chương trình đào tạo, phương thức dạy và học nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Đến năm 2020, 100% các trường học từ trung học phổ thông đến tiểu học đều được trang bị từ 1 - 3 phòng máy tính, với số máy tính đáp ứng yêu cầu tối thiểu (trung bình có khoảng 25 máy tính/phòng); trang bị máy chủ, các phần mềm mã nguồn mở hỗ trợ các môn học phục vụ cho việc dạy và học; hơn 80% số môn học được ứng dụng công nghệ thông tin.

Đến năm 2020, 100% các cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện có lãnh đạo phụ trách công nghệ thông tin được đào tạo bồi dưỡng chương trình lãnh đạo công nghệ thông tin (CIO); 100% các cơ quan sở, ngành, huyện trên địa bàn tỉnh sẽ có ít nhất 1 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin có trình độ từ Đại học trở lên.

Tăng cường nghiên cứu, phát triển, hỗ trợ chế tạo, sản xuất sản phẩm CNTT và chuyển giao ứng dụng CNTT, bảo đảm tỷ lệ phân bổ phù hợp kinh phí chi cho các hoạt động này trong tổng ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm của địa phương.

Xây dựng và triển khai dự án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, công nghệ, kỹ năng mềm, ngoại ngữ cho nhân lực CNTT, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo, cán bộ chủ chốt, chuyên gia, nhân lực chuyên môn trong các tổ chức, doanh nghiệp CNTT.

Xây dựng và triển khai dự án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT, khai thác tài nguyên mạng, sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho cộng đồng, xã hội và người dân tạo nền tảng phát triển công dân điện tử.

Tăng cường hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao và làm chủ công nghệ mới, phần mềm nguồn mở, công nghệ mở, chuẩn mở.

5. Đẩy mạnh bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

Tăng cường đầu tư về thiết bị và nguồn nhân lực bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đến mức cao nhất cho các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và toàn tỉnh.

Kiện toàn và phát huy vai trò bộ máy quản lý nhà nước về an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng của địa phương, trong đó chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách nhằm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin, an ninh mạng.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng Quân đội, Công an, Cơ yếu, Thông tin và Truyền thông để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin.



Xây dựng và triển khai đề án nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT đủ khả năng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho các cấp các ngành.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

Cụ thể hóa và thể chế hóa các chủ trương, chính sách, quy định về ứng dụng và phát triển CNTT của Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển chính quyền điện tử của tỉnh, gồm:

- Xây dựng và hướng dẫn triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.
- Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng, ban hành các mô hình, tiêu chí, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng cơ chế quản lý, giám sát các dự án phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh nhằm quy định các mức kiểm tra, đánh giá các dự án công nghệ thông tin, đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ.
- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng cơ chế sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin, chia sẻ trao đổi thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và các địa phương đơn vị được thuận lợi và an toàn.
- Xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ, chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm CNTT trong cơ quan nhà nước.
- Tạo điều kiện thuận lợi, áp dụng mức ưu đãi cao nhất về thuế, đất đai, tín dụng cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ CNTT.
- Tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển thương mại điện tử.

2. Tăng cường đầu tư cho ứng dụng CNTT

Tăng cường đầu tư và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho ứng dụng CNTT. Đầu tư phải đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ. Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các sản phẩm phần mềm do bộ ngành TW đầu tư triển khai theo ngành dọc, tỉnh không đầu tư phát triển mới, tránh đầu tư chồng chéo, gây lãng phí.

Các hạng mục đầu tư của các dự án dùng chung cấp tỉnh trong Kế hoạch được bố trí từ ngân sách tỉnh; đầu tư mua sắm, nâng cấp trang thiết bị (mạng LAN, máy tính, máy in) của cấp huyện được bố trí từ ngân sách huyện.

3. Tập trung chỉ đạo, triển khai

Triển khai các nội dung ứng dụng và phát triển CNTT tin đòi hỏi phải thống nhất, quyết liệt và đồng bộ. Các cấp, các ngành phải coi đẩy mạnh ứng dụng CNTT là đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt và lâu dài.



VI. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cấp tỉnh

(Dự toán kinh phí phụ lục kèm theo)

2. Kinh phí cấp huyện

Các huyện chủ động xây dựng dự toán, bố trí kinh phí để triển khai các ứng dụng CNTT tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị có chức năng liên quan tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

1. Ban Chỉ đạo CNTT tỉnh

Trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt, Ban Chỉ đạo CNTT tỉnh tổ chức chỉ đạo các cấp, các ngành quán triệt, điều hành quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu, đảm bảo mục tiêu và tiến độ đề ra.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Tham mưu cho UBND tỉnh các vấn đề liên quan đến chiến lược, quy hoạch, chương trình, các dự án CNTT trên địa bàn tỉnh với chức năng là cơ quan quản lý ngành, đảm bảo sự đồng bộ, sự nhất quán của toàn bộ hệ thống.

Chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách, môi trường pháp lý CNTT trên địa bàn tỉnh trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh xem xét, quyết định để hướng dẫn và tổ chức thực hiện.

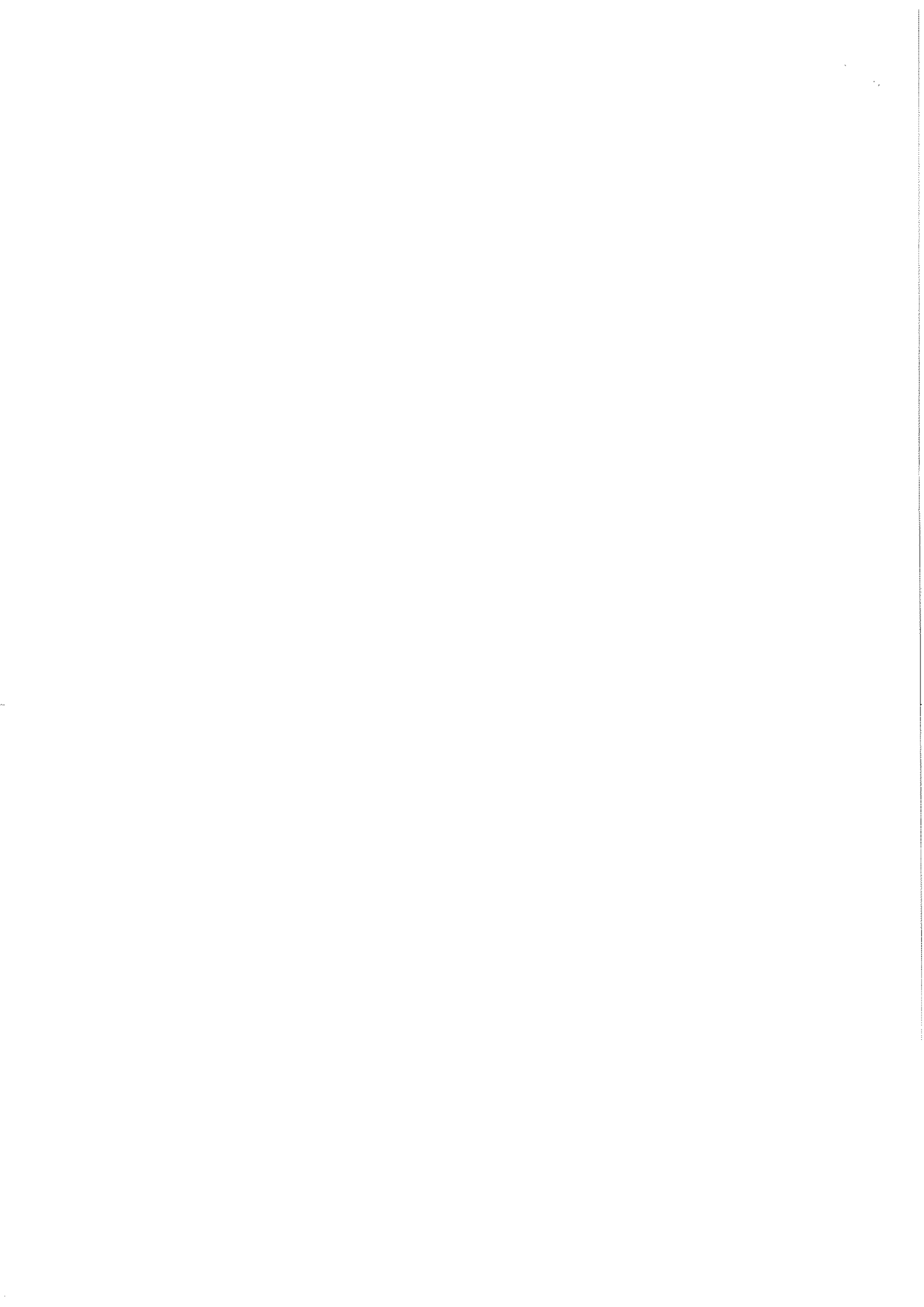
Hàng năm xây dựng, lập kế hoạch cụ thể về xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh, của từng cơ quan, địa phương; trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, đơn vị chủ trì và dự kiến các bước thực hiện để cải thiện các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao trình UBND tỉnh phù hợp với Kế hoạch này.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin từ tỉnh đến các huyện, thành phố. Là đầu mối chủ trì, phối hợp giữa các cơ quan ngành dọc, các doanh nghiệp nhà nước trong việc triển khai phát triển và ứng dụng CNTT trên địa bàn.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án công nghệ thông tin trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo triển khai trên địa bàn tỉnh các nhiệm vụ trong Chương trình quốc gia phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

Làm tốt công tác thẩm định và nghiệm thu đưa vào sử dụng các dự án CNTT sử dụng vốn ngân sách, đảm bảo cho công tác đầu tư đồng bộ, tiết kiệm, tránh chồng



chéo, lãng phí.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định việc bố trí vốn sự nghiệp từ ngân sách tỉnh cho các dự án, nhiệm vụ chi trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước; chịu trách nhiệm triển khai các chương trình, dự án ứng dụng CNTT của ngành.

Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện đảm bảo ưu tiên bố trí kinh phí và cấp đủ kinh phí cho các chương trình, dự án ứng dụng và phát triển CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch được phê duyệt.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp kế hoạch triển khai các dự án công nghệ thông tin hàng năm và 5 năm. Cân đối và huy động các nguồn vốn để đảm bảo kinh phí thực hiện chương trình, đặc biệt là nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho các dự án, chương trình và kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh.

5. Sở Nội vụ

Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với tăng cường ứng dụng CNTT và đề cao trách nhiệm thực người đứng đầu. Rà soát, đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, tạo mọi thuận lợi và giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân.

Công khai minh bạch thủ tục hành chính, thời gian giải quyết trên mạng Internet và nơi truy cập trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính. Tổ chức hỗ trợ, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp truy cập, kê khai yêu cầu cung cấp các dịch vụ công trực tuyến.

Tổ chức triển khai, thiết lập Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các cấp chính quyền, tạo điều kiện thuận lợi để người dân giám sát tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan hành chính nhà nước.

Chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ biên chế, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức về CNTT cho các cấp, các ngành.

6. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố

Các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo triển khai đồng bộ, hiệu quả các chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNTT tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải chủ động, có quyết tâm chính trị cao, theo sát và ủng hộ quá trình ứng dụng CNTT vào cơ quan mình; quan tâm đến công tác phối hợp đảm bảo chặt chẽ, thống nhất cao giữa các cấp, các ngành trong quá trình triển khai ứng dụng CNTT, đặc biệt là các ứng dụng mang tính kết nối, liên



thông, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành (*bám sát các chương trình, dự án của các bộ, ngành TW sắp triển khai tại phụ lục kèm theo để xây dựng kế hoạch tiếp nhận, không đầu tư xây dựng mới*).

- Đẩy mạnh đổi mới, tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước, nhất là trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với những lĩnh vực bức thiết, liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

- Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT từng năm của đơn vị, xác định rõ mục tiêu cần đạt được, dự trù kinh phí và tổ chức triển khai thực hiện.

Kinh phí cấp tỉnh đầu tư cho các hệ thống CNTT trọng yếu (*Phụ lục các đề án, dự án kèm theo*). Các huyện chủ động bố trí kinh phí để triển khai các ứng dụng CNTT tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh và quốc gia.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành và địa phương đẩy mạnh ứng dụng CNTT.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);

Bản điện tử:

- TTrực TU, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Thành viên, Tổ thư ký BCD CNTT tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Văn Thái



PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA DỰ
KIẾN TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Giang)

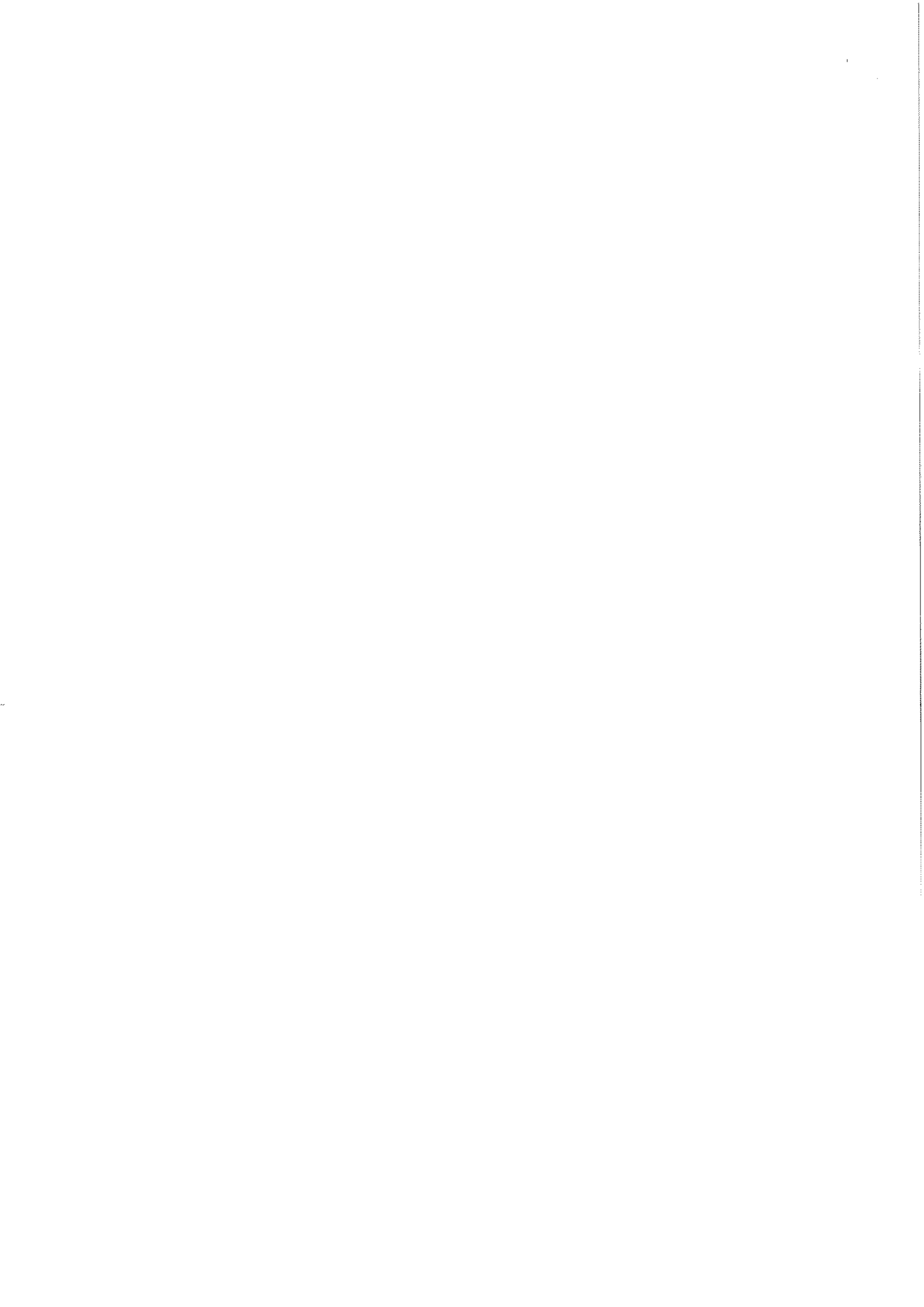
TT	Tên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu	Cơ quan chủ trì
	Phát triển hạ tầng kỹ thuật	
1.	Hạ tầng kỹ thuật bảo đảm triển khai Chính phủ điện tử các cấp, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, kết nối chia sẻ dữ liệu	Cơ quan nhà nước các cấp
2.	Hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị	Ban Cơ yếu Chính phủ
3.	Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông
	Các hệ thống thông tin quốc gia	
4.	Hệ thống Cổng thông tin điện tử cơ quan hành chính nhà nước thống nhất, thông suốt 4 cấp hành chính từ Trung ương đến địa phương	Văn phòng Chính phủ
5.	Hệ thống trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông
6.	Hệ thống thư điện tử quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông
7.	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8.	Hệ thống thuế điện tử	Bộ Tài chính
9.	Hệ thống hải quan điện tử	Bộ Tài chính
10.	Hệ thống quản lý giao thông thông minh	Bộ Giao thông vận tải
11.	Hệ thống quản lý phương tiện giao thông điện tử	Bộ Giao thông vận tải
12.	Hệ thống sản xuất và phát hành hộ chiếu điện tử Việt Nam	Bộ Công an
13.	Hệ thống quản lý bệnh án điện tử	Bộ Y tế
14.	Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia	Bộ Tài chính
15.	Hệ thống thông tin quản lý, duy trì Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông
16.	Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông



	cơ quan nhà nước	
	Các cơ sở dữ liệu quốc gia	
18.	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư	Bộ Công an
19.	Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường
20.	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
21.	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Thống kê tổng hợp về dân số	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
22.	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính	Bộ Tài chính
23.	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm	Bảo hiểm xã hội Việt Nam







STT	Dan h mục Công trình	Kính phí		Hình thức đầu tư	KC - HT	Kính phí và phân kỳ thực hiện												Đơn vị chủ trì
		Tổng	ĐT			SN	2016		2017		2018		2019		2020			
							ĐT	SN	ĐT	SN	ĐT	SN	ĐT	SN	ĐT	SN		
1	Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình (GD1: Tỉnh đến huyện; GD 2 đến xã)				2016-2018													
2	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các dự án đầu tư trên địa bàn	0.0	0.0	0.0	2016-2018													Sở TT&TT
3	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý trường học	0.0	0.0	0.0	2016-2018													Sở GD&ĐT
4	Xây dựng hệ thống thông tin - CSDL các công trình dự án đầu tư	0.5	0.0	0.5	2016				0.5									Sở KH&ĐT
5	Xây dựng hệ thống thông tin - CSDL về lao động, việc làm và chính sách xã hội	1.0	0.0	1.0	2018					1.0								Sở LĐTBXH
6	Xây dựng và phát triển hệ thống giáo trình điện tử và đào tạo từ xa (e-learning)	1.0	0.0	1.0	2018-2019							0.5				0.5		Sở Giáo dục và Đào tạo
VI. Các dự án phát triển nguồn nhân lực CNTT		4.0	0.0	4.0					0.0	0.8	0.0	0.8	0.0	0.8	0.0	0.8	0.8	
1	Đào tạo phổ cập CNTT cho cán bộ các cấp xã, phường	1.0	0.0	1.0	2016-2020							0.2				0.2		Sở TT&TT
2	Đào tạo kỹ năng ứng dụng và khai thác CNTT trong cán bộ công chức, CIO các cấp	1.0	0.0	1.0	2016-2020							0.2				0.2		Sở TT&TT
3	Đào tạo các chuyên viên kỹ thuật mạng cho các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố	1.0	0.0	1.0	2016-2020							0.2				0.2		Sở TT&TT
4	Bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng khai thác CNTT cho giáo viên phổ thông	1.0	0.0	1.0	2016-2020							0.2				0.2		Sở Giáo dục và Đào tạo
Tổng		99.5	60.0	39.5					18.0	7.6	18.0	11.3	15.0	10.9	6.0	6.1	3.0	3.6

